

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2022
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trung Du**

2. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn Th**, sinh năm 1968 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 11 tháng 11 năm 2021)

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê Văn Th trình bày:**

Hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị G do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày

27 tháng 11 năm 1995. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh tại ấp Q, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thất bại nên vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Anh và chị G không còn sống chung từ năm 2011 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Nhật A, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 và Lê Nhật B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị G:**

Chị Nguyễn Thị G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện chị G không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị G cố tình không hợp tác.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy chứng nhận kết hôn bản chính, giấy khai sinh, đơn xin xác nhận, đơn xin vắng mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị G không đến tham gia tố tụng tại tòa án nên chị G không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2021 Tòa án đã tiến hành xác minh anh Thái Hồng Ph là công an viên phụ trách ấp Q, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo anh Ph trình bày thì chị G còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện chị G không có mặt tại địa phương. Anh Th và chị G kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau ngày cưới anh Th chị G sinh sống tại địa phương vài năm sau đó vợ chồng đi làm xa thỉnh thoảng có về địa phương. Anh Th chị G có 02 con chung Lê Nhật A và Lê Nhật B.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Th.

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nhật A, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 và Lê Nhật B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc anh Lê Văn Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử chị Nguyễn Thị G cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, chị G biết anh Th yêu cầu ly hôn với chị tại Tòa án, ngày 11 tháng 11 năm 2021 anh Th có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Th, chị G theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Mối quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị G là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27 tháng 11 năm 1995. Theo lời trình bày của anh Th thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thất bại nên vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Th yêu cầu ly hôn với chị G là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Có 02 con chung tên Lê Nhật A, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 và Lê Nhật B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Lê Văn Th nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn Th.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

[2] Con chung: Có 02 con chung tên Lê Nhật A, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 và Lê Nhật B, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1997 hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[3] Tài sản chung: Anh Lê Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Anh Lê Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Lê Văn Th nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008115 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui

